

VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA Ở TÂY NGUYÊN: TIẾP CẬN TỪ VỐN VĂN HOÁ VÀ QUAN HỆ XÃ HỘI

LÊ THỊ HỒNG GÁI*

Tóm tắt: Bài viết phân tích vai trò của phụ nữ dân tộc thiểu số tại chỗ trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống ở Tây Nguyên, đồng thời làm rõ những điều kiện xã hội tác động đến việc thực hiện vai trò này trong bối cảnh phát triển hiện nay. Trên cơ sở tiếp cận vai trò xã hội và lý thuyết vốn văn hóa, nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính gồm phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm với phụ nữ các dân tộc Êđê, M'nông, Ba Na, Gia Rai và Xơ Đăng tại Tây Nguyên... Kết quả cho thấy phụ nữ dân tộc thiểu số đóng vai trò trung tâm trong lưu giữ, tái sản xuất, trao truyền và chuyển hóa vốn văn hóa thành nguồn lực phát triển cộng đồng; vai trò của phụ nữ được hình thành và duy trì thông qua các thiết chế gia đình, cộng đồng và chính sách văn hóa địa phương. Tuy nhiên, quá trình phát huy vai trò của phụ nữ vẫn chịu tác động bởi định kiến giới, gánh nặng lao động gia đình, hạn chế về nguồn lực,... Các phát hiện này cho thấy cần tăng cường các điều kiện hỗ trợ để phụ nữ tham gia hiệu quả hơn vào các hoạt động bảo tồn văn hóa gắn với phát triển kinh tế-xã hội bền vững.

Từ khóa: dân tộc thiểu số, phụ nữ, bảo tồn, phát huy, giá trị văn hóa, Tây Nguyên.

Nhận bài: 21/4/2026

Gửi phản biện: 22/5/2026

Duyệt đăng: 25/6/2026

1. Giới thiệu

Tây Nguyên¹ - một trong những không gian văn hóa đặc sắc của Việt Nam, là nơi cư trú lâu đời của 12 dân tộc thiểu số (DTTS) tại chỗ với hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú, phản ánh sự đa dạng về tri thức bản địa, tổ chức xã hội và bản sắc văn hóa tộc người. Tuy nhiên, dưới tác động của công nghiệp hóa, đô thị hóa, phát triển kinh tế thị trường, di cư và hội nhập, nhiều giá trị văn hóa truyền thống đang đứng trước

* Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

¹ Bài viết sử dụng dữ liệu từ năm 2024 trở về trước, trước thời điểm sáp nhập tỉnh theo chủ trương mới từ 01/7/2025, do đó, Tây Nguyên bao gồm 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng.

nguy cơ mai một hoặc biến đổi cả về nội dung lẫn hình thức thực hành. Trong bối cảnh đó, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống không chỉ là nhiệm vụ của ngành văn hóa mà còn là yêu cầu quan trọng đối với phát triển bền vững vùng Tây Nguyên.

Trong quá trình bảo tồn văn hóa, phụ nữ DTTS tại chỗ giữ vị trí đặc biệt bởi họ là chủ thể trực tiếp lưu giữ, thực hành và trao truyền nhiều giá trị văn hóa truyền thống trong gia đình và cộng đồng. Thông qua các hoạt động như dệt thổ cẩm, chế biến ẩm thực, nuôi dạy con, tổ chức nghi lễ, gìn giữ tiếng nói, dân ca, dân vũ và tri thức bản địa, phụ nữ góp phần duy trì tính liên tục của văn hóa dân tộc qua các thế hệ. Đối với một số dân tộc theo chế độ mẫu hệ như Ê đê và Gia Rai, vai trò này càng trở nên nổi bật khi phụ nữ vừa là trung tâm của gia đình, vừa là người nắm giữ nguồn lực và tri thức văn hóa truyền thống.

Nhiều nghiên cứu trước đây đã khẳng định vai trò quan trọng của phụ nữ DTTS trong phát triển kinh tế-xã hội và bảo tồn văn hóa. Bùi Minh Đạo (2016) cho rằng vị thế của phụ nữ Tây Nguyên đã có nhiều thay đổi trong thời kỳ đổi mới khi họ tham gia ngày càng tích cực vào các hoạt động kinh tế, văn hóa và xã hội, đồng thời cũng phải đối mặt với nhiều rào cản trong việc phát huy vai trò của mình. Lê Duyên Hà (2021) nhấn mạnh phụ nữ là lực lượng nòng cốt trong việc gìn giữ và truyền dạy các nghề thủ công, trang phục, ẩm thực và các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc Tây Nguyên. Gần đây, Nguyễn Thị Lạng (2025) cho thấy phụ nữ không chỉ là người bảo tồn tri thức truyền thống mà còn chủ động sáng tạo, thích ứng và thương mại hóa các sản phẩm thủ công trong bối cảnh phát triển mới.

Mặc dù đã có những đóng góp quan trọng, phần lớn các nghiên cứu hiện nay vẫn chủ yếu mô tả vai trò của phụ nữ hoặc đánh giá sự tham gia của họ trong từng lĩnh vực văn hóa cụ thể. Hiện vẫn còn ít nghiên cứu tiếp cận vai trò của phụ nữ như một quá trình xã hội được hình thành, duy trì và biến đổi thông qua các quan hệ xã hội trong gia đình, cộng đồng và các thiết chế xã hội, đồng thời xem xét sự tác động của vốn văn hóa đến khả năng thực hiện vai trò đó. Bên cạnh đó, những cơ hội và thách thức mà quá trình phát triển hiện nay đặt ra đối với phụ nữ trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống vẫn chưa được phân tích một cách hệ thống.

Trong bối cảnh đó, bài viết vận dụng lý thuyết vốn văn hóa nhằm phân tích vai trò của phụ nữ DTTS tại chỗ trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống ở Tây Nguyên. Nghiên cứu tập trung trả lời ba câu hỏi: 1) Phụ nữ DTTS tại chỗ đang đảm nhận những vai trò gì trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống? 2) Những vai trò đó được hình thành và duy trì thông qua các quan hệ xã hội nào trong gia đình, cộng đồng và các thiết chế xã hội? (3) Quá trình phát triển hiện nay đang tạo ra những cơ hội và thách thức gì đối với việc thực hiện các vai trò này?

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu định tính tại một số tỉnh Tây Nguyên, bài viết làm rõ các vai trò của phụ nữ trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, phân tích những điều kiện xã hội tác động đến việc thực hiện các vai trò đó, từ đó đề xuất một số hàm ý nhằm tăng cường sự tham gia và phát huy vai trò của phụ nữ trong bảo tồn văn hóa gắn với phát triển bền vững vùng Tây Nguyên.

2. Khái niệm, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, “vai trò” được hiểu là tập hợp những hành vi, trách nhiệm và kỳ vọng xã hội gắn với một vị thế xã hội nhất định (Marshall, 1998/2012). Theo quan điểm xã hội học, vai trò xã hội không phải là yếu tố cố định mà được hình thành thông qua các chuẩn mực xã hội, được thương lượng trong các mối quan hệ xã hội và có thể thay đổi theo bối cảnh lịch sử-xã hội. Vì vậy, vai trò của phụ nữ trong bảo tồn văn hóa cần được xem xét như một quá trình động, chịu tác động bởi các thiết chế gia đình, cộng đồng, chính sách và thị trường.

“Bảo tồn văn hóa” được hiểu là quá trình duy trì, gìn giữ và phục hồi các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể nhằm bảo đảm tính liên tục của đời sống văn hóa cộng đồng (UNESCO, 2003). “Phát huy” là những tác động làm cho các giá trị di sản lan tỏa và phát triển. “Phát huy” chính là nhấn mạnh những khai thác, sử dụng một cách có hiệu quả các giá trị di sản văn hóa, đảm bảo giữ gìn bản sắc dân tộc (Đỗ Thị Thanh Thủy, 2024:41).

Như vậy, vai trò của phụ nữ trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa là tập hợp những hành vi, trách nhiệm và kỳ vọng xã hội đối với phụ nữ qua các hoạt động như: thực hành văn hóa truyền thống; trao truyền văn hóa cho thế hệ trẻ; phát triển sinh kế từ các nguồn lực văn hóa và tham gia các chương trình, hoạt động bảo tồn văn hóa của địa phương.

Cách tiếp cận:

Bài viết vận dụng kết hợp hai cách tiếp cận. Thứ nhất, cách tiếp cận vai trò xã hội nhấn mạnh rằng vai trò của phụ nữ được hình thành và duy trì thông qua các chuẩn mực văn hóa, kỳ vọng xã hội và sự phân công lao động giới trong gia đình và cộng đồng. Thông qua quá trình xã hội hóa, các chuẩn mực này đã góp phần vào việc định hướng hành vi và vị trí của phụ nữ trong đời sống xã hội (Phạm Tất Dong & Lê Ngọc Hùng, 2008). Thứ hai, theo cách tiếp cận vốn văn hóa của Pierre Bourdieu (1986), vốn văn hóa là những nguồn lực văn hóa mà cá nhân hoặc nhóm xã hội sở hữu, giúp họ đạt được vị thế xã hội, cơ hội giáo dục và lợi thế trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Cách tiếp cận này cho phép xem các tri thức, thực hành văn hóa, hiện vật và các hình thức công nhận văn hóa như những nguồn lực quan trọng cần được bảo tồn và phát huy nhằm phục vụ sự phát triển bền vững của cộng đồng.

Từ các cách tiếp cận trên, bài viết phân tích vai trò của phụ nữ DTTS trong mối quan hệ với các thiết chế xã hội cơ bản gồm: gia đình, cộng đồng buôn làng, chính quyền và tổ chức chính trị-xã hội, thị trường du lịch.

Phương pháp nghiên cứu:

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính thông qua công cụ phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm. Nguồn dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát thực địa tại các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk và Đắk Nông trong giai đoạn 2022-2024. Mặc dù bài viết hướng tới cái nhìn tổng quan về vai trò của phụ nữ DTTS nói chung trên địa bàn Tây Nguyên, trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả tập trung phân tích nhóm DTTS tại chỗ như Êđê, Gia rai, Ba Na, Xơ Đăng, Cơ Ho,... bởi đây là nhóm có tính đại diện cho các giá trị văn hóa tạo nên bản sắc Tây Nguyên. Đây là những chủ thể lâu đời, gắn liền với sự hình thành và phát triển của Tây Nguyên, văn hóa của họ chính là “hồn cốt”, nền tảng cốt lõi định hình nên bản sắc vùng đất này.

Về mẫu khảo sát, nghiên cứu thực hiện 20 cuộc phỏng vấn sâu với phụ nữ DTTS tại chỗ, 2 nghệ nhân, 2 chủ nhiệm hợp tác xã, 5 cán bộ văn hóa và cán bộ Hội Phụ nữ; đồng thời tổ chức 3 cuộc thảo luận nhóm tại các địa bàn khảo sát. Khách thể nghiên cứu là 20 phụ nữ các dân tộc Brâu, Êđê, M'ông, Ba Na, Mạ và Giẻ-Triêng được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích. Những người tham gia nghiên cứu đều đang tham gia các hoạt động bảo tồn văn hóa, biết thực hành nghề thủ công truyền thống, du lịch cộng đồng hoặc sinh hoạt ở các câu lạc bộ văn hóa dân gian. Mẫu cũng đảm bảo đa dạng về độ tuổi để tìm hiểu sự khác biệt về mặt nhận thức qua các thế hệ.

Dữ liệu được thu thập và phân tích theo chủ đề nhằm nhận diện các nhóm vai trò, điều kiện xã hội và rào cản đối với phụ nữ trong quá trình bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Khung phân tích tập trung vào ba nhóm vai trò chính gồm: 1) Tái sản xuất và lưu giữ vốn văn hóa; 2) Trao truyền văn hóa giữa các thế hệ; và 3) Chuyển hóa vốn văn hóa thành vốn sinh kế.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Vai trò của phụ nữ dân tộc thiểu số Tây Nguyên qua quá trình tái sản xuất và phát huy giá trị văn hoá

3.1.1. Vai trò lưu giữ và tái sản xuất văn hóa truyền thống

Trong gia đình cũng như cộng đồng các DTTS tại chỗ, phụ nữ luôn là chủ thể thực hiện hành vi văn hoá. Với vai trò là bà, là mẹ, phụ nữ là người trực tiếp nắm giữ các làn điệu dân ca, dân vũ, sử thi, các nghi lễ, phong tục tập quán, các nghề truyền thống, ẩm

thực truyền thống,... và truyền dạy cho con cháu nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc.

Một ví dụ điển hình là nghề làm góm của người M'ông ở huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk. Đây là nghề thủ công truyền thống có từ lâu đời, được truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác; phụ nữ là người đảm nhận chính trong việc làm góm. Quy trình làm góm cũng hết sức độc đáo, vì nét độc đáo này mà sản phẩm góm ở nơi đây khác biệt so với những vùng khác và được nhiều người ưa chuộng. Nhờ những giá trị văn hóa đặc sắc đó mà năm 2024 nghề làm góm của người M'ông ở xã Yang Tao, huyện Lắc được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Hiện nay, kỹ thuật làm góm chỉ còn tồn tại ở địa phương này với khoảng 13 nghệ nhân ở buôn Yôk Đuôn và buôn Dong Băk.

Đối với nghề dệt thổ cẩm, chị em phụ nữ là người lưu giữ chính hoạt động này. Nhiều chị em hiện nay là Chủ nhiệm Hợp tác xã (HTX), Tổ trưởng Tổ hợp tác dệt thổ cẩm. Tiêu biểu có HTX Dệt thổ cẩm Tong Bông của dân tộc Êđê ở xã Ea Kao, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk; Tổ hợp tác dệt thổ cẩm của dân tộc Mạ tại xã Đắk Nĩa, TP. Gia Nghĩa, Đắk Nông; HTX Y Tuân của dân tộc Giê-Triêng tại xã Đắk Dục, huyện Ngọc Hồi, Kon Tum... Sự hình thành và phát triển của các mô hình này đã cho thấy nỗ lực của phụ nữ các DTTS Tây Nguyên trong việc giữ gìn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống.

Ẩm thực truyền thống cũng là một lĩnh vực thể hiện rõ vai trò của phụ nữ trong việc lưu giữ và phát huy bản sắc văn hóa các DTTS ở Tây Nguyên. Nhiều món ăn truyền thống như cà đắng giã, lá sắn giã, lá bép, cá khô muối ồng lồ ô, muối trứng kiến vàng, rượu cần,... vẫn được duy trì trong các gia đình người Êđê, M'ông, Mạ, Ba Na, Giê-Triêng,... Những món ăn này có thể dễ dàng bắt gặp khi đến thăm nhà của các dân tộc này, trong những bữa ăn hàng ngày, các nghi lễ, lễ hội và cả trong hoạt động phục vụ khách du lịch.

Kết quả nghiên cứu trên đây cho thấy phụ nữ DTTS tại chỗ là chủ thể nắm giữ phần lớn các thực hành văn hóa diễn ra trong đời sống thường nhật. Điều này đặc biệt rõ ở các dân tộc theo truyền thống mẫu hệ như Êđê và Gia Rai, nơi phụ nữ giữ vai trò trung tâm trong gia đình và sở hữu nhiều tri thức văn hóa liên quan đến nghề thủ công, ẩm thực và nghi lễ. Theo cách tiếp cận vốn văn hóa của Bourdieu, các kỹ năng dệt thổ cẩm, làm góm, chế biến ẩm thực truyền thống hay hiểu biết về phong tục tập quán mà phụ nữ nắm giữ có thể được xem là dạng vốn văn hóa hiện thân. Thông qua lao động và sinh hoạt hằng ngày, nguồn vốn văn hóa này được duy trì và tái sản xuất liên tục trong cộng đồng.

Nhận thức được vai trò của phụ nữ DTTS trong bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc, các tỉnh Tây Nguyên cũng chú trọng đến các chính sách hỗ trợ nhằm phát huy vai trò và sự đóng góp của lực lượng này. Điều này thể hiện ở sự phát triển mạnh của các câu lạc bộ công nghệ nữ, các mô hình/câu lạc bộ “Phụ nữ khỏe đẹp”,

“Dân vũ”, “Nhảy sạp”, “Hát sli”...; mô hình/câu lạc bộ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc như “Đội chiêng nữ”, “Tiếng chiêng Ching Kram”, “Gia đình phụ nữ an toàn, xanh, sạch, đẹp, bản sắc”; “Nhà dài vườn xanh”...; duy trì các hợp tác xã “Dệt thổ cẩm”, mô hình khởi nghiệp “Rượu cần”, tổ chức các hội thi “Hát ru”, “Nấu ăn”, “Bữa cơm gia đình”,... Thông qua các thiết chế chính thức như Hội Phụ nữ, chính quyền địa phương, phụ nữ DTTS đã phát huy tốt vai trò lưu giữ và tái sản xuất các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

Tuy nhiên, vai trò lưu giữ văn hóa không hoàn toàn giống nhau giữa các nhóm dân tộc và có sự phù hợp về đặc trưng văn hoá của mỗi dân tộc. Trong khi phụ nữ M’Nông nổi bật với nghề làm gốm truyền thống thì phụ nữ Êđê và Mạ lại giữ vai trò trong nghề dệt thổ cẩm. Đối với phụ nữ Brâu và Giẻ-Triêng, việc lưu giữ các tri thức ẩm thực truyền thống như rượu cần men lá, thịt gác bếp hay cải khô muối ống lồ ô lại được thể hiện rõ nét hơn. Điều này cho thấy sự khác biệt về cấu trúc nguồn lực văn hóa giữa các cộng đồng dân tộc và tạo nên những hình thức tham gia bảo tồn văn hóa khác nhau của phụ nữ.

Nhìn chung, có thể thấy vai trò lưu giữ và tái sản xuất văn hóa của phụ nữ được hình thành chủ yếu trong thiết chế gia đình và cộng đồng buôn làng thông qua quá trình xã hội hóa văn hóa từ thế hệ này sang thế hệ khác. Sự phân công lao động giới trong đời sống thường nhật khiến phụ nữ trở thành người trực tiếp thực hành các hoạt động liên quan đến nghề thủ công, ẩm thực và nghi lễ truyền thống. Đồng thời, sự hỗ trợ của các tổ chức hội, chính quyền địa phương và các chương trình bảo tồn văn hóa đã góp phần mở rộng không gian thực hành văn hóa của phụ nữ từ phạm vi gia đình sang cộng đồng. Quá trình này không chỉ duy trì tính liên tục của các giá trị văn hóa truyền thống mà còn góp phần củng cố bản sắc văn hóa dân tộc và tăng cường sự gắn kết xã hội trong cộng đồng.

3.1.2. Vai trò truyền dạy, giáo dục văn hóa truyền thống cho thế hệ trẻ

Bên cạnh việc lưu giữ, phụ nữ DTTS có vai trò quan trọng trong việc lưu truyền các giá trị văn hóa cho thế hệ trẻ trước nguy cơ mai một, thất truyền thông qua việc truyền dạy cho con, cháu, em trong gia đình; còn ở ngoài xã hội, việc thành lập các HTX, Tổ hợp tác chính là một cách lưu truyền văn hóa truyền thống cho thế hệ trẻ. Chẳng hạn, tại Hợp tác xã Tong Bông (xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột), nhiều bạn nữ từ 14 đến 18 tuổi đã được học dệt thổ cẩm. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy:

Ngoài giờ học hoặc khi có thời gian em thường đến HTX để học dệt thổ cẩm. Chỉ cần chúng em thích thì các mẹ, các bác, các cô chỉ dạy, hướng dẫn rất tận tình.

(PVS Nữ, 16 tuổi, học sinh, dân tộc Êđê, buôn Tong Jú, xã Ea Kao)

Ngoài thổ cẩm, các bạn trẻ cũng tham gia gìn giữ công chiêng của buôn làng. Chẳng hạn, xã Đăk R’lết, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông có 2 câu lạc bộ công chiêng, trong đó có một câu lạc bộ của những người lớn tuổi và một câu lạc bộ của thanh niên trẻ. Câu lạc

bộ được duy trì, hoạt động dưới sự truyền dạy của các nghệ nhân nữ lớn tuổi ở trong bon. Một nữ nghệ nhân cho biết:

Tôi rất vui khi tham gia dạy về nguồn gốc, ý nghĩa, cách sử dụng các loại nhạc cụ truyền thống cho các bạn trẻ trong Câu lạc bộ công chiêng của xã. Nhiều năm qua, tôi đã tham gia các lớp dạy dệt thổ cẩm, chiêng cho nhiều bạn trẻ ở các xã trong huyện với mong muốn thế hệ trẻ biết, thêm yêu quý và giữ gìn truyền thống văn hóa của dân tộc.

(PVS Nữ, Nghệ nhân ưu tú, dân tộc Mnông, bon Bu Koh, xã Đăk R'tít)

Cùng với việc phát triển HTX, đem lại thu nhập cho chị em phụ nữ, việc truyền dạy cho thế hệ trẻ để nghề dệt thổ cẩm của dân tộc không thể thất truyền là mục tiêu của HTX. Do đó, thời gian qua, HTX đã truyền dạy cho các cháu gái trong buôn và một số buôn trên địa bàn xã yêu thích nghề dệt thổ cẩm dân tộc. Với việc cầm tay chỉ việc, trực tiếp thực hành cùng các cô tại đây nhiều cháu đã thành thạo và có thể tự tay hoàn thành một sản phẩm.

(PVS Nữ, Chủ nhiệm HTX Tong Bông, xã Ea Kao, TP. Buôn Ma Thuột)

Để phát huy vai trò của phụ nữ trong bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá, thời gian qua, các tỉnh Tây Nguyên đã lồng ghép, tận dụng nguồn lực trong việc triển khai *Dự án 6 - Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch*, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng DTTS và miền núi. Các lớp truyền dạy công chiêng, dệt thổ cẩm, nấu ăn,... được mở ra khá đều đặn tại các địa bàn.

Như vậy, có thể thấy, có sự chuyển dịch hoạt động truyền dạy văn hóa từ phạm vi gia đình sang các HTX, câu lạc bộ và lớp truyền dạy cộng đồng, phản ánh những biến đổi xã hội đang diễn ra ở Tây Nguyên. Xu hướng gia đình hạt nhân hóa, thanh niên đi học hoặc lao động xa nhà cùng với sự suy giảm của các cơ chế truyền dạy truyền thống đã làm cho việc trao truyền văn hóa trong gia đình gặp nhiều khó khăn hơn. Trong bối cảnh đó, các thiết chế cộng đồng như HTX, câu lạc bộ văn hóa dân gian hay các lớp truyền dạy do địa phương tổ chức trở thành những không gian mới để tái sản xuất văn hóa. Điều này cho thấy cơ chế bảo tồn văn hóa đang chuyển từ hình thức phi chính thức sang hình thức bán chính thức và chính thức. Sự chuyển dịch này cho thấy vai trò của phụ nữ không chỉ giới hạn ở vị trí người thực hành văn hóa mà đang dần trở thành người tổ chức, hướng dẫn và kết nối các nguồn lực xã hội cho hoạt động bảo tồn văn hóa. Điều đó góp phần tăng cường vị thế xã hội của phụ nữ trong cộng đồng và tạo điều kiện để các giá trị văn hóa truyền thống thích ứng với bối cảnh hiện đại.

3.1.3. Chuyển hoá vốn văn hoá thành vốn sinh kế

Theo Pierre Bourdieu (1986), vốn văn hóa không chỉ tồn tại dưới dạng tri thức, kỹ năng và kinh nghiệm được cá nhân tích lũy mà còn có khả năng tái sản xuất và chuyển hóa thành các dạng vốn khác trong đời sống xã hội. Trong nghiên cứu này, nghề dệt thổ cẩm, làm gốm, tri thức ẩm thực, nghi lễ và nghệ thuật trình diễn truyền thống mà phụ nữ DTTS nắm giữ được xem là một dạng vốn văn hóa hiện thân. Thông qua các hoạt động trao truyền liên thế hệ và tham gia phát triển du lịch cộng đồng, nguồn vốn văn hóa này được duy trì, đồng thời chuyển hóa thành nguồn lực kinh tế và xã hội. Cách tiếp cận này giúp lý giải vai trò của phụ nữ không chỉ với tư cách là người bảo tồn văn hóa mà còn là chủ thể phát triển dựa trên các nguồn lực văn hóa của cộng đồng.

Trong phát triển du lịch:

Trường hợp HTX dệt thổ cẩm Tong Bông do bà H'Yam Buôn Krông thành lập từ năm 2003 đã đề cập ở trên là một tấm gương tiêu biểu. Không chỉ phục hồi nghề dệt thổ cẩm, giúp nhiều phụ nữ trong buôn có thêm thu nhập, bà còn là người tiên phong làm du lịch cộng đồng ở buôn Tong Jú, xã Ea Kao, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, góp phần thay đổi phương thức làm kinh tế cho phụ nữ ở địa phương. Xuất phát từ ý tưởng của bà vào năm 2019, mô hình du lịch cộng đồng được hình thành và chính thức thành lập điểm du lịch cộng đồng năm 2022, do bà làm trưởng nhóm. Bà đã xây dựng Homestay Hnôh Ea Kao để phục vụ khách du lịch, tại đây có rất nhiều hoạt động để du khách khám phá như tạc tượng, nấu rượu cần, ẩm thực chợ truyền thống, phục dựng các nghi lễ truyền thống của người Êđê,... Nhờ tiềm năng sẵn có và định hướng phù hợp nên tới năm 2023, UBND tỉnh Đắk Lắk đã lựa chọn buôn Tong Jú là một trong những mô hình du lịch cộng đồng tiêu biểu và được hỗ trợ nguồn vốn từ Dự án 8 là 1.791,382 triệu đồng. Đây là dấu hiệu khởi sắc cho việc mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả của Du lịch cộng đồng buôn Tong Jú.

Bà H'Yam Buôn Krông tại buôn Tong Jú (Đắk Lắk) là một minh chứng điển hình cho thấy cách thức phụ nữ DTTS tại chỗ chuyển hóa hiệu quả vốn văn hóa thành sinh kế và tăng vị thế xã hội. Theo lý thuyết của Pierre Bourdieu, tri thức về nghề dệt thổ cẩm truyền thống của người phụ nữ Êđê ban đầu tồn tại ở dạng vốn văn hóa hiện thân. Nhờ năng lực lãnh đạo cộng đồng, bà đã chủ động chuyển hóa nguồn vốn này thành nguồn lực vật chất thông qua việc thành lập HTX dệt thổ cẩm Tong Bông và điểm du lịch cộng đồng. Tại đây, các giá trị văn hóa như kiến trúc nhà dài, ẩm thực, cồng chiêng không còn là những giá trị tĩnh mà trở thành các tài nguyên di sản có khả năng sinh lợi kinh tế trực tiếp. Theo lý thuyết chức năng, mô hình của bà H'Yam tại buôn Tong Jú không chỉ là một đơn vị kinh tế thuần túy, mà còn là hệ thống cấu trúc phức hợp, vận hành dựa trên sự liên kết chặt chẽ của các mạng lưới quan hệ xã hội. Ở đó, người phụ nữ DTTS tại chỗ đóng vai trò là trung tâm điều phối, kết nối các tiểu hệ thống từ cấp độ vi mô (gia đình, dòng họ, cộng đồng) đến

vĩ mô (chính quyền, thị trường) để bảo tồn văn hóa và tạo sinh kế. Quá trình vận hành mô hình này đồng thời diễn ra sự tích hợp chặt chẽ giữa vốn văn hóa và mạng lưới các quan hệ xã hội. Thông qua thiết chế HTX và nhóm du lịch cộng đồng do phụ nữ làm chủ, một mạng lưới liên kết xã hội bền vững đã được thiết lập, thu hút sự tham gia chia sẻ lợi ích của nhiều hộ gia đình trong buôn. Mạng lưới này giúp phụ nữ DTTS tại chỗ chuyển đổi phương thức làm kinh tế từ tự cung tự cấp sang kinh tế dịch vụ.

Làm giàu từ các giá trị văn hóa:

Phụ nữ DTTS không chỉ bảo tồn mà còn sáng tạo, làm giàu thêm các giá trị văn hóa truyền thống, thu hút du khách đồng thời tạo thêm nguồn sinh kế mới cho chị em phụ nữ. Chẳng hạn như ở Ngọc Hồi, các sản phẩm rượu ghè men lá và thịt heo gác bếp của người Giẻ-Triêng thuộc HTX Dục Nông, xã Đắc Dục, sản phẩm rượu cần men lá của dân tộc Brâu ở thôn Đắc Mế, xã Pờ Y, rượu vắt nếp than của người Xơ Đăng ở xã Sa Loong, cải khô muối ống lồ ô Y Tuân của dân tộc Giẻ - Triêng, thịt bò cò gác bếp Y Hà ở xã Đắc Nông... đều do phụ nữ làm chủ và đã được chứng nhận là sản phẩm ba sao cấp tỉnh. Những sản phẩm gắn với văn hóa ẩm thực có xu hướng phát triển hơn so với các giá trị văn hóa khác.

Kết quả khảo sát dân tộc Brâu tại xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum cho thấy, dân tộc này có nhiều giá trị văn hóa ẩm thực đặc sắc, trong đó có rượu cần men lá. Tại thôn Đắc Mế hầu hết người phụ nữ dân tộc Brâu đều biết làm rượu cần men lá bởi có sự truyền nghề qua các thế hệ phụ nữ. Bên cạnh các hoạt động sản xuất nông nghiệp, mỗi gia đình người Brâu thường tận dụng thời gian rảnh rỗi để lên rừng hái lá, rễ cây làm nguyên liệu chế biến men ủ rượu truyền thống. Điều này cho thấy sự tương tác chặt chẽ giữa thiết chế gia đình và cấu trúc giới đặc thù. Thứ nhất, trong cấu trúc gia đình Brâu, người phụ nữ giữ vai trò quản lý tài sản, điều tiết kinh tế hộ gia đình và đặc biệt là “chủ thể nắm giữ không gian tâm linh”. Rượu cần là vật phẩm thiết yếu trong mọi nghi lễ vòng đời và lễ hội cộng đồng - không gian mà người phụ nữ chịu trách nhiệm chuẩn bị và điều hành hậu cần. Thứ hai, sự phân công lao động dựa trên đặc trưng giới thể hiện rõ qua việc đàn ông sẽ chuyên làm các việc nặng nhọc, cơ bắp, ngược lại, phụ nữ đảm nhận việc làm men rượu - công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ, kiên nhẫn, đặc biệt là trong quá trình nhận diện, thu hái các loại lá, rễ cây được liệu trên rừng cũng như duy trì, làm chủ công thức ủ men. Trí thức bản địa về rượu cần men lá được định vị như một loại “thuộc tính giới” của phụ nữ Brâu.

Bên cạnh phục vụ cho nhu cầu gia đình, rượu cần men lá hiện nay đã được chuyển hướng là hàng hóa để kiếm thêm thu nhập cho các hộ gia đình. Sản phẩm không chỉ được bán cho khách du lịch hoặc người dân địa phương trong các ngày lễ, tết như người Brâu, Xơ Đăng,... mà còn đáp ứng nhu cầu sử dụng của người Kinh trong các hoạt động tiếp khách hay trong các dịp lễ, tết. Giá bán các chế rượu cần tùy thuộc vào thể tích rượu, với

các kích cỡ như 3 lít có giá khoảng 100.000 đồng, 5 lít có giá khoảng 200.000 đồng,... (Kết quả khảo sát thực địa, 2022). Nhờ vào mặt hàng này, các hộ gia đình người Brâu có thêm nguồn thu nhập từ việc sản xuất rượu cần men lá. Năm 2020, xã Pờ Y đã thành lập Tổ hợp tác rượu cần men lá với 10 thành viên là chị em người dân tộc Brâu, thôn Đắc Mế. Trong thời gian vừa qua sản phẩm cũng bán ra thị trường, ký gửi tại một số đại lý trong địa bàn xã và đại lý, siêu thị mini trong Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y. Ngoài ra, sản phẩm đã được giới thiệu và phân phối tại một số siêu thị mini ở thành phố Đà Nẵng (Kết quả khảo sát tại Tổ hợp tác rượu cần men lá Brâu, xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi).

Cũng giống như nghề dệt thổ cẩm của dân tộc Êđê, làm rượu cần men lá là văn hoá hiện thân của người Brâu và người phụ nữ đã chuyển hóa nguồn vốn văn hóa này thành vốn kinh tế. Để kích hoạt quá trình chuyển đổi đó, họ đã dựa vào các quan hệ xã hội như quan hệ buôn làng (tính cộng đồng), quan hệ với chính quyền (thành lập tổ hợp tác và xây dựng thương hiệu OCOP) và quan hệ thị trường tiêu thụ. Rượu cần men lá không còn bó hẹp trong chức năng tự cung tự cấp phục vụ nghi lễ gia đình, mà đã trở thành sản phẩm hàng hóa độc đáo phục vụ khách du lịch và thị trường bên ngoài, thông qua các mạng lưới trao đổi hàng hóa tại địa.

Ở vai trò này, có thể thấy bối cảnh thị trường du lịch, các quan hệ kinh tế-xã hội đã góp phần định hình lại vai trò của phụ nữ. Quan hệ giữa phụ nữ với doanh nghiệp du lịch, du khách và thị trường tiêu thụ, nhu cầu sử dụng sản phẩm văn hóa đã tạo ra động lực để phụ nữ DTTS chuyển hóa vốn văn hóa thành vốn kinh tế. Tuy nhiên, quá trình chuyển hóa này không chỉ tạo ra cơ hội mà còn đặt ra nhiều thách thức. Khi các hoạt động văn hóa trở thành sản phẩm du lịch hoặc hàng hóa trên thị trường, nguy cơ thương mại hóa văn hóa ngày càng rõ nét. Một số nghi lễ vốn gắn với đời sống tâm linh cộng đồng có thể bị rút ngắn, đơn giản hóa hoặc “sân khấu hóa” để phục vụ khách du lịch và điều này làm mất đi tính “thiêng” của văn hoá. Dưới tác động của kinh tế thị trường, các sản phẩm thủ công truyền thống cũng chịu áp lực phải thay đổi mẫu mã, kích thước và công năng nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, làm suy giảm tính nguyên gốc của các giá trị văn hóa. Đây là mâu thuẫn phổ biến giữa bảo tồn và phát triển. Trong trường hợp này, phụ nữ vừa là chủ thể bảo tồn vừa là chủ thể tham gia thị trường, do đó họ phải thường xuyên “thương lượng” giữa yêu cầu gìn giữ bản sắc văn hóa và nhu cầu tạo thu nhập cho gia đình. Chẳng hạn, tại Đắc Lắc, nhiều phụ nữ dân tộc Êđê tham gia dệt thổ cẩm và giới thiệu văn hóa truyền thống cho khách du lịch. Trước đây, các sản phẩm thổ cẩm chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt và các nghi lễ của cộng đồng, với hoa văn, kích thước và cách sử dụng mang ý nghĩa văn hóa riêng. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu thị trường, phụ nữ đã cải tiến sản phẩm thành túi xách, ví, khăn quàng, móc khóa hoặc các vật phẩm lưu niệm có kích thước nhỏ gọn hơn. Sự thay đổi này giúp tăng khả năng tiêu thụ sản phẩm và tạo thêm thu nhập cho gia đình.

Tuy vậy, nhiều nghệ nhân vẫn duy trì các họa tiết truyền thống, kỹ thuật dệt thủ công và ý nghĩa biểu tượng của hoa văn nhằm bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Trường hợp này cho thấy nhiều phụ nữ đã chủ động điều chỉnh các thực hành văn hóa theo hướng thích ứng với thị trường nhưng vẫn cố gắng duy trì những yếu tố cốt lõi của bản sắc dân tộc.

3.2. Một số rào cản trong phát huy vai trò của phụ nữ dân tộc thiểu số tại chỗ trong bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa

Thứ nhất, gánh nặng lao động tái sản xuất xã hội và hạn chế về nguồn lực

Mặc dù phụ nữ DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên giữ vai trò trung tâm trong việc lưu giữ, thực hành và truyền dạy nhiều giá trị văn hóa truyền thống, song họ đồng thời phải đảm nhiệm phần lớn công việc nội trợ, chăm sóc con cái, người cao tuổi và lao động sản xuất. Thực trạng này tạo nên “gánh nặng kép”, khiến quỹ thời gian dành cho các hoạt động bảo tồn văn hóa ngày càng thu hẹp. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng định kiến giới và sự phân công lao động theo giới vẫn là một rào cản quan trọng đối với việc phát huy vai trò của phụ nữ trong đời sống xã hội. Nguyễn Minh Tuấn (2012) trong nghiên cứu về phân công lao động trong gia đình người Êđê đã nhận định: “Trong gia đình người Êđê hiện nay, người phụ nữ vẫn giữ một vai trò rất quan trọng trong cuộc sống hàng ngày, tuy nhiên, nếu trước đây họ là người chủ yếu thực hiện các công việc thì giờ đây họ đã san sẻ trách nhiệm này cho người đàn ông. Mặc dù vậy, khối lượng công việc trong gia đình mà họ nắm giữ vẫn rất lớn nếu so sánh với một số dân tộc khác”.

Kết quả nghiên cứu thực địa cũng cho thấy, trong các cộng đồng mẫu hệ như Êđê và Gia Rai, phụ nữ vẫn giữ vị trí quan trọng trong gia đình và dòng họ và về mặt tâm linh, song quyền quyết định đối với các hoạt động kinh tế và quan hệ bên ngoài cộng đồng đang có xu hướng dịch chuyển nhiều hơn sang nam giới. Trong khi nam giới thường tham gia các hoạt động tạo thu nhập ngoài địa phương thì phụ nữ tiếp tục đảm nhiệm việc gìn giữ các thực hành văn hóa trong gia đình.

Bây giờ việc lớn trong nhà như mua đất, mua tài sản lớn hay đi vay vốn ngân hàng làm ăn thì thường ông chồng quyết định hết, vì họ đi ra ngoài nhiều, biết nhiều hơn và đi kiếm tiền chính để nuôi gia đình. Phụ nữ mình thì suốt ngày quần quanh ở buôn, lo chuyện cơm nước, chăm con cái, làm rẫy rồi tranh thủ lúc rảnh thì cũng dệt cái váy áo, khăn quần, đồ dùng trong nhà, ủ ché rượu khi nhà có việc thôi. Trong buôn cũng có tổ hợp tác dệt thổ cẩm Hội Phụ nữ cũng vận động tham gia vì mình được mẹ dạy cho dệt nên biết, nhưng mình không có thời gian. Thích cũng đành chịu.

(PVS Nữ, 36 tuổi, dân tộc Êđê, buôn Tong Bông, phường Ea Kao, tỉnh Đắk Lắk)

Tại Gia Lai, khi được hỏi, nhiều phụ nữ thậm chí rất ít tham gia vào các nghi lễ, lễ hội cộng đồng tại địa phương vì họ bận đi làm thuê kiếm thu nhập. Điều này tạo nên nghịch

lý khi phụ nữ sở hữu nhiều vốn văn hóa nhưng lại thiếu thời gian, nguồn lực và quyền năng để chuyển hóa nguồn vốn đó thành các hoạt động phát triển kinh tế hoặc sáng kiến bảo tồn văn hóa ở quy mô cộng đồng.

Ở góc độ lý thuyết vốn văn hóa, đây là biểu hiện của việc vốn văn hóa chưa được chuyển hóa hiệu quả thành vốn kinh tế và vốn xã hội. Thiếu nguồn lực tài chính, cơ hội đào tạo và sự hỗ trợ thường xuyên khiến nhiều hoạt động truyền dạy nghề truyền thống, dệt thổ cẩm hay du lịch cộng đồng khó duy trì lâu dài, làm suy giảm khả năng phát huy vai trò của phụ nữ trong bảo tồn văn hóa.

Thứ hai, hạn chế về trình độ học vấn, kỹ năng số và khả năng tiếp cận thị trường

Một rào cản đáng chú ý khác là trình độ học vấn, năng lực sử dụng công nghệ số và khả năng tiếp cận thị trường của phụ nữ DTTS tại chỗ còn hạn chế. Tại nhiều vùng sâu, vùng xa ở Tây Nguyên, không ít phụ nữ còn gặp khó khăn trong sử dụng tiếng phổ thông, tiếp cận thông tin, dịch vụ công cũng như các cơ hội đào tạo nghề. Điều này làm giảm khả năng tham gia của phụ nữ vào các hoạt động phát triển kinh tế và bảo tồn văn hóa trong bối cảnh chuyển đổi số.

Mình từng tham gia một lớp tập huấn về vấn đề bán hàng trên mạng do Hội Phụ nữ xã tổ chức. Hội Phụ nữ có bảo mình đưa mấy cái váy thổ cẩm lên mạng bán, chụp hình rồi đăng lên Facebook, Zalo hay sàn thương mại điện tử gì đó để người ta ở xa cũng mua được. Nhưng mình chịu thôi. Tiếng phổ thông mình nói còn chưa thạo, điện thoại này con nó mua cho chủ yếu chỉ biết bấm nút nghe với gọi thôi chứ không biết bán hàng rồi trả lời tin nhắn của khách. Cứ phải nhờ con cái hỗ trợ thì phiền lắm. Đợt vừa rồi Công an xã bảo đăng ký mã định danh với làm giấy tờ thủ tục trên điện thoại mình cũng phải đợi con đi học về nó làm hộ, chứ mình nhìn vào cái màn hình là chịu chết, không biết đường nào mà lần.

(PVS Nữ, 52 tuổi, dân tộc Mạ, Đắk Nia, TP. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông)

Dưới góc độ xã hội học, hiện tượng này phản ánh sự gia tăng khoảng cách bất bình đẳng kép mà phụ nữ DTTS tại chỗ đang phải đối mặt. Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện đại, năng lực công nghệ và ngôn ngữ phổ thông không còn là kỹ năng bổ trợ, mà đã trở thành vốn biểu trưng quyết định khả năng kết nối và chiếm lĩnh các nguồn lực thị trường. Khi các sản phẩm văn hóa truyền thống (như thổ cẩm, rượu cần, thủ công mỹ nghệ, ẩm thực truyền thống) cần được số hóa để gia tăng giá trị thương mại thông qua thương mại điện tử, thì sự hạn chế về học vấn và kỹ năng số lại bó buộc phụ nữ trong không gian kinh tế truyền thống của buôn làng. Vì vậy, sản phẩm thường được tiêu thụ thông qua thương lái hoặc các đơn vị trung gian, làm giảm giá trị gia tăng và hạn chế khả năng chuyển hóa

vốn văn hóa thành nguồn thu nhập bền vững. Đây không chỉ là hạn chế về năng lực cá nhân mà còn phản ánh sự thiếu hụt nguồn lực hỗ trợ và mạng lưới kết nối thị trường.

Thứ ba, tác động của hiện đại hóa và kinh tế thị trường đối với bảo tồn văn hóa

Quá trình hiện đại hóa và phát triển kinh tế thị trường vừa tạo cơ hội vừa đặt ra nhiều thách thức đối với việc bảo tồn văn hóa truyền thống. Sự thay đổi trong nhu cầu tiêu dùng và lối sống khiến nhiều sản phẩm văn hóa truyền thống ngày càng ít được sử dụng trong đời sống thường nhật, đặc biệt trong thế hệ trẻ. Điều này làm giảm động lực truyền dạy và thực hành văn hóa của phụ nữ trong gia đình và cộng đồng.

Những ngày đầu mới thành lập, Hợp tác xã gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Sản phẩm đều bị trả về vì nhiều lỗi, mẫu mã lại không đẹp, không cạnh tranh được với thị trường nên không bán được hàng. Nhiều hội viên chán nản, không còn muốn dệt nữa, tôi phải nói chuyện, động viên chị em cố gắng khắc phục khó khăn.

(PVS, Nữ, Chủ nhiệm Hợp tác xã Tơng Bông, xã Ea Kao, tp. Buôn Ma Thuột)

Tuy nhiên, kinh tế thị trường không phải là nguyên nhân trực tiếp làm mai một văn hóa. Ngược lại, nếu được hỗ trợ phù hợp, đây có thể trở thành động lực quan trọng giúp chuyển hóa vốn văn hóa thành nguồn lực phát triển thông qua du lịch cộng đồng, sản xuất hàng thủ công truyền thống và các hoạt động văn hóa sáng tạo. Vấn đề đặt ra là nhiều phụ nữ vẫn thiếu vốn, thiếu kỹ năng kinh doanh, thiếu kết nối thị trường và chưa nhận được sự hỗ trợ đủ mạnh từ các thiết chế xã hội. Trong bối cảnh đó, áp lực cạnh tranh khiến một số sản phẩm văn hóa phải thay đổi mẫu mã, chất liệu hoặc công năng, thậm chí một số nghi lễ và hoạt động văn hóa có nguy cơ bị “sân khấu hóa” để phục vụ du lịch, làm suy giảm tính nguyên gốc của di sản văn hóa.

Nghi lễ cúng sức khỏe, khi được đưa vào phục vụ các đoàn khách tại homestay bị rút gọn chỉ còn khoảng 15 đến 20 phút. Chúng tôi lược bỏ hoàn toàn phần hiến tế động vật sống (không mổ heo/gà trực tiếp vì lý do vệ sinh và thời gian), bỏ các bài khấn dài của thầy cúng, bỏ quy trình mời rượu theo tôn ti trật tự dòng họ. Cách thức là thầy cúng (thường do một người già trong buôn đóng vai) chỉ làm tượng trưng hành động chỉ tay vào chén rượu, đọc một vài câu khấn ngắn gọn đã dịch nghĩa để hướng dẫn viên thuyết minh cho khách hiểu. Nghi lễ đeo vòng đồng giữ vĩa cho người thân trong nhà biến thành hoạt động “đeo vòng lưu niệm cho khách du lịch” để tạo tính tương tác. Tiếng cồng chiêng lúc này không còn mang chức năng giao tiếp với thế giới thần linh mà mục đích là phục vụ du khách thưởng thức âm nhạc Tây Nguyên. Biết là làm thế thì mất đi cái thiêng, cái hồn cốt của người Êđê mình rồi nhưng nếu

không làm thế thì không có khách, chị em trong buôn không có tiền bồi dưỡng, mà không có thu nhập thì không ai chịu đi tập múa, tập đánh chiêng nữa cả.

(PVS Nữ, 50 tuổi, dân tộc Êđê, phụ trách đội công chiêng phục vụ tại Homestay Hnoh Ea Kao)

Lúc này người phụ nữ DTTS tại chỗ đóng vai trò “vừa là người bảo tồn, vừa là người lao động sinh kế” rơi vào trạng thái tiến thoái lưỡng nan về mặt vai trò. Họ buộc phải chấp nhận sự thương lượng, đánh đổi một phần tính tôn nghiêm, tính nguyên gốc của di sản để đổi lấy nguồn vốn kinh tế nhằm duy trì sự tồn tại của chính đội ngũ thực hành văn hóa.

3.3. Một số giải pháp phát huy vai trò của phụ nữ dân tộc thiểu số tại chỗ trong bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa Tây Nguyên trong bối cảnh mới

Thứ nhất, giảm thiểu gánh nặng giới và tăng quyền tham gia của phụ nữ trong gia đình, cộng đồng:

Mặc dù phụ nữ DTTS giữ vai trò trung tâm trong bảo tồn và truyền dạy văn hóa, song họ vẫn phải gánh vác phần lớn công việc nội trợ, chăm sóc gia đình và lao động sản xuất. Do đó, cần tăng cường các hoạt động truyền thông thay đổi nhận thức về bình đẳng giới trong gia đình và cộng đồng, khuyến khích sự chia sẻ trách nhiệm giữa nam giới và phụ nữ trong công việc gia đình.

Trong gia đình, để tăng quyền năng cho phụ nữ cần lồng ghép các chương trình đào tạo kỹ năng số, tiếng phổ thông và quản trị kinh doanh cơ bản vào các hoạt động của Dự án 8. Thay vì chỉ dạy họ cách dệt vải hay làm men rượu, cần dạy họ cách đàm phán với doanh nghiệp lữ hành, quản lý dòng tiền của HTX và sử dụng mạng xã hội để tiếp thị sản phẩm. Khi người phụ nữ làm chủ được công nghệ và thị trường, họ sẽ nắm quyền kiểm soát nguồn thu nhập do mình tạo ra, từ đó chuyển hóa từ “quyền văn hóa trên danh nghĩa” thành “quyền lực kinh tế thực tế”.

Trong cộng đồng, cần nâng cao tỷ lệ và chất lượng tham gia của phụ nữ DTTS tại chỗ trong các thiết chế quản trị xã hội ở cấp cơ sở. Các quyết định liên quan đến quy hoạch du lịch cộng đồng, phục dựng nghi lễ tộc người hay phân bổ các nguồn vốn phát triển bắt buộc phải có sự tham vấn và đồng thuận của đại diện các nhóm phụ nữ, các nữ nghệ nhân tại địa phương.

Thứ hai, nâng cao năng lực, kỹ năng số và khả năng chuyển hóa vốn văn hóa thành sinh kế:

Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, việc nâng cao năng lực cho phụ nữ cần được xem là một giải pháp quan trọng. Cần xây dựng các chương trình tập huấn kỹ năng số riêng cho phụ nữ DTTS tại chỗ. Quy trình đào tạo nên tiếp cận theo hướng “cầm tay chỉ việc”, trực quan hóa bằng hình ảnh/video, hoặc sử dụng tài liệu tiếng DTTS. Tập trung vào các

kỹ năng ứng dụng thực tế cốt lõi như chụp ảnh/quay video sản phẩm dệt thổ cẩm, rượu cần; viết nội dung ngắn giới thiệu câu chuyện di sản; vận hành các gian hàng số trên mạng xã hội (Facebook, Zalo, TikTok) hoặc các sàn thương mại điện tử địa phương.

Để chuyển hoá vốn văn hoá thành vốn sinh kế, cần hỗ trợ phụ nữ bản địa thành lập và vận hành các mô hình kinh tế tập thể như tổ hợp tác, HTX. Nhà nước và doanh nghiệp cần đồng hành hướng dẫn họ quy trình chuẩn hóa sản phẩm. Việc chuyển hóa này không dừng lại ở việc bán sản phẩm vật thể mà còn cả các sản phẩm phi vật thể, tức là trải nghiệm văn hóa từ quy trình làm men lá, học dệt thổ cẩm, nấu ăn để tối ưu hóa nguồn thu thông qua làm du lịch.

Giải pháp này giúp cho phụ nữ trở thành những nhà khởi nghiệp văn hóa có đủ năng lực làm chủ công nghệ, làm chủ thị trường và làm chủ việc bảo tồn di sản, góp phần phát triển vốn xã hội, gia tăng vị thế phụ nữ.

Thứ ba, hoàn thiện chính sách và tăng cường nguồn lực cho phụ nữ trong bảo tồn văn hóa:

Cần tiếp tục triển khai hiệu quả các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, đặc biệt là Dự án 6 và Dự án 8. Bên cạnh đó, cần xây dựng các chính sách theo hướng lồng ghép giới rõ nét hơn trong lĩnh vực bảo tồn văn hóa, ưu tiên hỗ trợ các mô hình do phụ nữ làm chủ như HTX dệt thổ cẩm, tổ hợp tác sản xuất sản phẩm văn hóa truyền thống, mô hình du lịch cộng đồng. Cần tăng cường nguồn lực tài chính cho các lớp truyền dạy văn hóa, hoạt động của nghệ nhân nữ, các câu lạc bộ văn hóa dân gian và các sáng kiến khởi nghiệp dựa trên vốn văn hóa địa phương. Cần có chính sách tôn vinh, đãi ngộ phù hợp cho nghệ nhân, người có công gìn giữ di sản văn hóa, đặc biệt là phụ nữ. Bên cạnh đó, cần khuyến khích sự phối hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội nhằm huy động nguồn lực hỗ trợ phụ nữ bảo tồn và phát huy văn hóa gắn với phát triển kinh tế bền vững.

Thứ tư, phát triển văn hóa gắn với thị trường theo hướng bền vững, đảm bảo vai trò chủ thể của cộng đồng:

Có thể khẳng định, kinh tế thị trường mở ra cơ hội để phụ nữ chuyển hóa vốn văn hóa thành nguồn lực phát triển nhưng cũng đặt ra nguy cơ thương mại hóa văn hóa. Vì vậy, cần xây dựng các cơ chế hỗ trợ nhằm hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, đảm bảo tính nguyên bản của văn hóa. Trong phát triển du lịch cộng đồng và các sản phẩm văn hóa, cần đặt cộng đồng ở vị trí trung tâm, bảo đảm sự tham gia chủ động của cộng đồng địa phương, đặc biệt là phụ nữ - những người trực tiếp nắm giữ các tri thức và thực hành văn hóa truyền thống. Đồng thời, cần khuyến khích các mô hình phát triển kinh tế dựa trên văn hóa theo hướng bảo tồn các giá trị cốt lõi, tránh tình trạng sân khấu hóa hoặc thương mại hóa quá

mức làm suy giảm bản sắc văn hóa dân tộc. Muốn phát triển văn hóa gắn với thị trường theo hướng bền vững cần bảo đảm cộng đồng là chủ thể, kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, giữa lợi ích kinh tế và giá trị văn hóa, đồng thời có chính sách phù hợp để mọi bên cùng tham gia và hưởng lợi.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy phụ nữ DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên giữ vai trò quan trọng trong bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Vai trò đó được thể hiện trên ba phương diện cơ bản: lưu giữ và tái sản xuất văn hóa; truyền dạy văn hóa cho thế hệ trẻ và chuyển hóa vốn văn hóa thành vốn sinh kế. Nghiên cứu cho thấy, vai trò của phụ nữ không chỉ bắt nguồn từ truyền thống mà còn được củng cố và tái tạo thông qua vốn văn hóa và mạng lưới quan hệ xã hội trong bối cảnh phát triển hiện nay.

Nghiên cứu đã góp phần bổ sung cách tiếp cận xã hội học văn hóa trong nghiên cứu về phụ nữ DTTS. Kết quả nghiên cứu chứng minh tính phù hợp của việc kết hợp lý thuyết vai trò xã hội với vốn văn hóa của Borudieu trong nghiên cứu DTTS. Phụ nữ không chỉ là người lưu giữ các giá trị văn hóa mà còn là chủ thể tái sản xuất, chuyển hóa và phát huy vốn văn hóa trong bối cảnh phát triển hiện nay. Về mặt thực tiễn, nghiên cứu cung cấp thêm cơ sở khoa học cho địa phương trong việc xây dựng chính sách lấy phụ nữ làm chủ thể phát triển, lồng ghép giới trong bảo tồn văn hóa, tăng cường hỗ trợ nghề nhân nữ, chuyển hóa vốn văn hóa thành vốn sinh kế, thúc đẩy phát triển kinh tế tại cộng đồng.

Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế nhất định: nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính nên chưa có điều kiện lượng hóa mức độ tham gia và tác động của phụ nữ trong các hoạt động bảo tồn, phát huy văn hóa, bên cạnh đó, chưa có sự so sánh giữa các dân tộc để có cái nhìn toàn diện hơn về vai trò của phụ nữ DTTS trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống.

Tài liệu tham khảo

- Marshall, G. (2012). *Oxford Dictionary of Sociology* [Từ điển Xã hội học Oxford] (Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hóa dịch). Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. (Bản gốc ấn hành (tái bản) năm 1998).
- Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng. (2008). *Xã hội học*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Bùi Văn Đạo (2015). *Vai trò của một số nhóm xã hội của các dân tộc tại chỗ trong phát triển bền vững Tây Nguyên*. Đề tài cấp Nhà nước mã số TN3/X18 thuộc Chương trình Tây Nguyên 3 giai đoạn 2013 - 2015.
- Lê Duyên Hà (2021). Vai trò của phụ nữ dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên trong phát triển kinh tế - xã hội và những vấn đề đặt ra. *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 5, tr.79 - 83.
- Nguyễn Thị Lạng (2025). “Sự tham gia của phụ nữ Cơ Ho trong giữ gìn và phát huy nghề dệt truyền thống tại huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng” in trong Kỷ yếu hội thảo quốc gia *Đảm bảo tiếng nói và sự*

tham gia của phụ nữ dân tộc thiểu số và miền núi vào hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hiện nay. Học viện Phụ nữ Việt Nam.

Pierre Bourdieu. (1986). The forms of capital. In John G. Richardson (Ed.), *Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education* (pp. 241-258). New York: Greenwood Press.

Quốc hội. Luật số 45/2024/QH14 ngày 23/11/2024. *Luật Di sản văn hoá*.

Đỗ Thị Thạch. (2017). Rào cản và giải pháp nhằm tăng cường vai trò, vị thế của nữ trí thức trong phát triển bền vững. *Tạp chí Tổ chức Nhà nước* (bản điện tử). https://tcnn.vn/news/detail/36729/Rao_can_va_giai_phap_nham_tang_cuong_vai_tro_vi_the_cua_nu_tri_thuc_trong_phat_trien_ben_vungall.htm.

Đỗ Thị Thanh Thủy (Chủ biên, 2024). *Bảo vệ và phát huy tài nguyên di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh bền vững ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Nguyễn Minh Tuấn. (2012). Bình đẳng giới trong gia đình người dân tộc Ê Đê ở Đắk Lắk. *Tạp chí Xã hội học*, số 2 (118), tr.81-89.

Nguyễn Thị Tuyền. (2025). Phát huy vai trò của phụ nữ Việt Nam trong kỷ nguyên mới. *Tạp chí Công sản* (bản điện tử) https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/1069302/phan-huy-vai-tro-cua-phu-nu-viet-nam-trong-ky-nguyen-moi.aspx.

Đặng Ánh Tuyết. (2016). Rào cản đối với phụ nữ tham gia chính trị ở Việt Nam qua cách tiếp cận thiết chế giới. *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 3, tr.31-36.

UNESCO. 2003. *Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage*, Article 2.3 (Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa Phi vật thể, Điều 2(3)).